

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 106/2024/DS-ST
Ngày: 15-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản và hợp đồng góp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Quang Vinh
- Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 271/2024/TLST-DS, ngày 16 tháng 7 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số B, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An, vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 6 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Bà có tham gia đây hui do bà H1 làm chủ hui, hui khai ngày 20/02/2022 (âm lịch), loại hui ngày, mỗi ngày người tham gia phải đóng cho bà H1 số tiền 300.000 đồng/ một phần/ một ngày, hui có thời hạn 15 tháng, là loại hui có hoa hồng 1.000.000

đồng, bà tham gia 30 phần và đã đóng tiền hui cho bà H1 12 tháng 09 ngày, với số tiền là 110.700.000 đồng, thì ngày 02/02/2023 (âm lịch) bà H1 tuyên bố vỡ hui.

Ngoài ra, vào ngày 15/11/2022 bà có cho bà H1 vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, không có thỏa thuận lãi suất vay, mục đích vay để bà H1 có vốn mua bán nhưng đến nay đã quá hạn mà bà H1 không thanh toán cho bà.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H1 và ông Nguyễn Văn T phải liên đới trả cho bà số tiền vốn hui còn nợ là 110.700.000 đồng và 100.000.000 đồng tiền vốn vay, không yêu cầu tính lãi suất, thanh toán một lần khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Kim H1 là bị đơn trình bày tại bản tự khai ngày 25/7/2024: Bà thống nhất có nợ bà H số tiền vốn hui là 110.700.000 đồng và 100.000.000 đồng tiền vốn vay. Hiện nay do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, bà xin nguyên đơn cho thời gian khi nào bà bán được tài sản là các thửa đất sẽ thanh toán nợ.

Ông Nguyễn Văn T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày tại bản tự khai ngày 25/7/2024: Ông là chồng bà H1 và ông thống nhất lời trình bày của bà H1, ông không có ý kiến bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc H có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui với bà Nguyễn Thị Kim H1, việc tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà H1 cư trú tại huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Bà H, bà H1 và ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và các ông bà có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày thống nhất bà Nguyễn Thị Kim H1 có nợ bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền vốn hui là 110.700.000 đồng và 100.000.000 đồng tiền vốn vay, đây là điều không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, các đương sự không thống nhất thời gian thanh toán: Bà H yêu cầu bà H1 và ông Truyền thanh toán nợ một lần khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, bà H1 yêu cầu được cho thời gian khi nào bà bán được tài sản là các thửa đất sẽ thanh toán nợ nhưng không được bà H đồng ý nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 463, 466, 468, 470 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biểu, phường, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

[3] Xét nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ: Tại địa phương bà H1 làm chủ hội, tổ chức cho hội viên tham gia nhiều năm, là loại hội có lãi nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình và vay nợ nhằm mục đích có vốn mua bán diễn ra trong thời kỳ hôn nhân với ông T và ông T cũng thống nhất nợ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 27, 30, 35 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim H1 liên đới thanh toán tiền vốn hội và vốn vay cho nguyên đơn.

Ông T và bà H1 còn phải chịu tiền lãi chậm thanh toán nợ gốc theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông T và bà H1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên, ông T và bà H1 có đơn xin miễn án phí với lý do là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 12, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hội và tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Nguyễn Thị Ngọc H đối với bà Nguyễn Thị Kim H1 và ông Nguyễn Văn T.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim H1 và ông Nguyễn Văn T phải liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 210.700.000 (hai trăm mười triệu bảy trăm nghìn) đồng, trong đó số tiền vốn hội là 110.700.000 đồng và 100.000.000 đồng tiền vốn vay.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.268.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009007 ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim H1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh LA;
- Viện kiểm sát ND cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Ái Duy